

Bản án số: 07 /2021/HS-ST
Ngày 29 - 10 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Quang Mạnh và ông Quàng Văn Mãng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Lò Văn N, sinh 12/10/1987; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn M (đã chết) và bà Lò Thị Đ (Lò Thị Đnh), sinh năm 1966; vợ Quàng Thị B (đã ly hôn) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 20/7/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”; ngày 06/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 01/8/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: anh Quàng Văn N, sinh 1984; nơi cư trú: bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người làm chứng: anh Phạm Văn H, sinh 1977; nơi cư trú: T, thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/8/2021, Lò Văn N nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Biển kiểm soát (BKS) 33P5- 5677 của anh Quảng Văn N để ở vỉa hè khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện M, thấy xe không khoá cổ, N dắt xe từ vỉa hè xuống đường Quốc lộ 279D rồi ngồi lên xe thả trôi dốc đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô H, nói dối mất chìa khoá nhờ anh Phạm Văn H đấu nối dây điện để nổ máy, điều khiển đến khu vực T, thị trấn Í thì gặp người photo chìa khoá dạo, N thuê làm 01 chìa khoá rồi điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ. Phát hiện bị mất tài sản anh Quảng Văn N đã có đơn trình báo đề nghị cơ quan chức năng điều tra làm rõ đồng thời đi hỏi, tìm thì phát hiện Lò Văn N là người đã chiếm đoạt chiếc xe nên anh N gọi điện yêu cầu N mang xe về trả; khoảng 15 giờ cùng ngày N điều khiển xe quay về đến khu vực bệnh viện thì bị Công an huyện M bắt giữ.

Ngày 02/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu định giá tài sản, khám nghiệm hiện trường nhưng không thu giữ gì thêm.

Ngày 04/8/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận định giá tài sản số 18/KLĐGTS: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 là 5.000.000 đồng.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với anh Phạm Văn H nhưng anh H không biết rõ vụ việc, là người ngay tình; đối với người photo chìa khoá dạo, không thu thập được tài liệu nào khác ngoài lời khai của bị cáo.

Ngày 10/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã quyết định trả lại: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 cho anh Quảng Văn N; anh N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKS-ML ngày 12/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy, không có tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 cho anh Quảng Văn N, anh N không yêu cầu gì thêm; tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc chìa khoá của Lò Văn N. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Lò Văn N tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, miễn án phí.

Bị hại đề nghị xét xử vắng mặt, đã nhận được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đương sự anh Quảng Văn N có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/8/2021, bị cáo Lò Văn N thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 của anh Quảng Văn N để ở vỉa hè khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện M, Ngọc dắt xe từ vỉa hè xuống đường Quốc lộ 279D rồi điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ, trong khi tìm nơi tiêu thụ thì bị anh Quảng Văn N phát hiện yêu cầu Lò Văn N mang xe về trả; khoảng 15 giờ cùng ngày Ngọc điều khiển xe quay về đến khu vực bệnh viện thì bị Công an huyện M bắt giữ. Theo kết luận định giá tài sản số: 18/KLĐGTS ngày 04/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện M: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 là 5.000.000đồng. Như vậy, bị cáo Lò Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá 5.000.000VNĐ; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo tuổi còn trẻ, đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân nhiều lần (đã chấp hành án phạt tù) nhưng không thấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện, lao động, làm ăn lương thiện phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn

chơi đua đòi, nghiện ma túy, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã cố ý trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá là 5.000.000VNĐ; Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh N mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế; tuổi bị cáo còn trẻ cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu (nhiều lần bị kết án) là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định bị cáo không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2021 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với anh Phạm Văn H là người đầu dây điện xe mô tô để bị cáo nổ máy sau khi chiếm đoạt nhưng không biết vụ việc và ngay tình nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 33P5- 5677 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Quàng Văn N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

M đã trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 chiếc chìa khoá của bị cáo là công cụ phạm tội, vật không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: anh Quàng Văn N không yêu cầu Lò Văn N bồi thường thiệt hại nên không có cơ sở giải quyết theo vụ án.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (01/8/2021); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc chìa khoá của Lò Văn N (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2021 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn N.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/10/2021); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

